

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 3 - 2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 514/2019/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 2 năm 2020. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thị Ny, sinh năm: 1994; địa chỉ cư trú: Ấp Trương Văn Vững, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Sơn Thanh T, sinh năm: 1991; địa chỉ cư trú: Ấp Trương Văn Vững, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Thị Ntrình bày:

Chị và Anh Sơn Thanh T tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/4/2016.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do Anh Tsống thiếu trách nhiệm với gia đình chỉ lo ăn chơi mà không quan tâm đến vợ con và còn đánh đập hành hạ chị, chị và Anh T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống chị và Anh T có một con chung tên Sơn Thanh Trọng, sinh ngày: 28/01/2015. Hiện nay con đang chung sống với chị Ny, do Chị Nchăm sóc và nuôi dưỡng

Tài sản, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Nay Chị Nkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Sơn Thanh T.

Về con chung: Chị Nyêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Sơn Thanh Trọng, sinh ngày: 28/01/2015, không yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nkhông yêu cầu giải quyết.

Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập Anh T đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng Anh T vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh T nên đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/02/2020, Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Chị N và Anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị Nv và Anh Tchung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 29/4/2016 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy anh, chị đã sống ly thân từ năm 2019, từ đó đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Chị Yêu cầu được ly hôn với Anh Tlà phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị N xác định chị và Anh T có một con chung là Sơn Thanh Trọng, sinh ngày: 28/01/2015, hiện nay con đang chung sống với chị N. Nay Chị Yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị N, cháu Trọng đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị N cũng có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của Chị N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008052 ngày 23/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Thị Nduợc ly hôn với Anh Sơn Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Sơn Thanh Trọng, sinh ngày: 28/01/2015 cho Chị Thị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Sơn Thanh T có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn Chị Thị N phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008052 ngày 23/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm